

Số: 88 /TB-UBND

Nam Sách, ngày 24 tháng 12 năm 2025

THÔNG BÁO THU HỒI ĐẤT

Để thực hiện Dự án: Đầu tư xây dựng Khu dân cư mới thôn Đoàn Kết, xã Hồng Phong, huyện Nam Sách (nay là xã Nam Sách, thành phố Hải Phòng)

Căn cứ điểm khoản 27, Điều 79, Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;
Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP, ngày 15 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 77/2025/NĐ-UBND ngày 29 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc ban hành Quy chế phối hợp trong công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Nghị quyết số 96/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương về việc chấp thuận thu hồi đất; cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ để thực hiện các dự án, công trình năm 2024 trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 1078/QĐ-UBND ngày 16 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương (cũ) về việc chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng Khu dân cư mới thôn Đoàn Kết, xã Hồng Phong, huyện Nam Sách và phê duyệt Bảng theo dõi tiến độ thực hiện dự án;

Căn cứ Quyết định số 3416/QĐ-UBND ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Khu dân cư mới thôn Đoàn Kết, xã Hồng Phong, huyện Nam Sách (nay là xã Nam Sách, thành phố Hải Phòng);

Căn cứ Quyết định số 4402/QĐ-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban nhân dân huyện Nam Sách về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng khu dân cư mới thôn Đoàn Kết, xã Hồng Phong, huyện Nam Sách, tỷ lệ 1/500; Quyết định số 908/QĐ-UBND ngày 15 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân



xã Nam Sách về việc phê duyệt Điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết xây dựng khu dân cư mới thôn Đoàn Kết, xã Hồng Phong, huyện Nam Sách (nay là xã Nam Sách, thành phố Hải Phòng), tỷ lệ 1/500;

Căn cứ tiến độ sử dụng đất thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Khu dân cư mới thôn Đoàn Kết, xã Hồng Phong, huyện Nam Sách (nay là xã Nam Sách, thành phố Hải Phòng);

Chủ tịch UBND xã Nam Sách Thông báo như sau:

1. Thu hồi đất của các hộ gia đình, cá nhân và UBND xã Nam Sách đang quản lý, sử dụng, cụ thể:

- Địa chỉ: xã Nam Sách, thành Phố Hải Phòng.

- Tổng diện tích đất dự kiến thu hồi: 199.852,1 m².

- Các thửa đất thuộc mảnh trích lục bản đồ địa chính khu đất, hệ tọa độ VN-2000, thuộc tờ bản đồ địa chính số 8(325584-7), 85(322581-3), 86(322584-1), 102(325584-7-c) và 105(322584-1-a), xã Nam Sách (đã được Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Hải Phòng ký ngày 24/11/2025).

- Loại đất đang sử dụng: Đất chuyên trồng lúa (LUC) 159.748,0m²; đất nuôi trồng thủy sản (NTS) 2.648,0m²; đất trồng cây lâu năm (CLN) 6.470,0m²; đất trồng cây lâu năm + đất nuôi trồng thủy sản (CLN+NTS) 2.737,0m²; đất trồng cây hàng năm khác (HNK) 2.281,0m²; đất trồng cây hàng năm khác + đất nuôi trồng thủy sản (HNK+NTS) 868,0m²; đất ở nông thôn (ONT) 184,0m²; đất ở nông thôn + đất trồng cây lâu năm (ONT+CLN) 874,0m²; đất mặt nước chuyên dùng (MNC) 3.342,0m²; đất công trình thủy lợi (DTL) 4.947,0m²; đất giao thông (DGT) 15.753,1m² (cụ thể sau khi xác định nguồn gốc sử dụng đất).

(có danh sách kèm theo)

2. Lý do thu hồi đất:

Để thực hiện Dự án: Đầu tư xây dựng Khu dân cư mới thôn Đoàn Kết, xã Hồng Phong, huyện Nam Sách (nay là xã Nam Sách, thành phố Hải Phòng).

3. Tiến độ thu hồi đất:

Dự kiến trong khoảng thời gian từ 90 ngày đối với đất nông nghiệp và 180 ngày đối với đất phi nông nghiệp, ngày tính từ ngày gửi Thông báo thu hồi đất cho người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (nếu có).

Trường hợp người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong khu vực thu hồi đất đồng ý để UBND xã thu hồi đất trước thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 85 Luật Đất đai năm 2024 thì các cơ quan chức năng có trách nhiệm đẩy nhanh tiến độ điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm và lập, thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ trình Chủ tịch UBND xã quyết định phê duyệt, thu hồi đất trước thời gian nêu trên.

4. Kế hoạch điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm

- Đối với đất nông nghiệp: Dự kiến từ ngày 04/01/2026 đến ngày 03/02/2026.

- Đối với đất phi nông nghiệp: Dự kiến từ ngày 04/01/2026 đến ngày 03/03/2026.

- Trường hợp người có đất thu hồi nhất trí thực hiện theo thời gian sớm hơn, thì việc điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm được thực hiện và hoàn thành theo thời gian người sử dụng đất ký cam kết.

5. Kế hoạch di dời người dân khỏi khu vực thu hồi đất:

Kể từ ngày Quyết định thu hồi đất của Chủ tịch UBND xã có hiệu lực.

6. Kế hoạch bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:

6.1. Về kế hoạch bồi thường, hỗ trợ

- Đối với đất nông nghiệp: Trường hợp người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong khu vực thu hồi đất đồng ý để UBND xã Nam Sách thu hồi đất trước thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 85 Luật Đất đai năm 2024: Thời gian dự kiến hoàn thành trong tháng 02 năm 2026. Trường hợp người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong khu vực thu hồi đất không đồng ý để UBND xã thu hồi đất: Thời gian dự kiến hoàn thành trong tháng 4 năm 2026.

- Đối với đất phi nông nghiệp: Trường hợp người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong khu vực thu hồi đất đồng ý để Chủ tịch UBND xã thu hồi trước thời hạn quy định tại khoản 1 điều 85 Luật Đất đai năm 2024: Thời hạn hoàn thành trong tháng 3 năm 2026. Trường hợp người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong khu vực thu hồi đất không đồng ý để Chủ tịch UBND xã thu hồi đất: Thời gian dự kiến hoàn thành trong tháng 6 năm 2026.

6.2. Về bố trí tái định cư

Bố trí tái định cư cho các hộ gia đình, cá nhân nằm trong diện phải tái định cư theo quy định của pháp luật.

7. Người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (nếu có) có trách nhiệm phối hợp với Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, UBND xã Nam Sách, Chủ đầu tư trong quá trình điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm, xây dựng phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định. Trường hợp người có đất thu hồi không phối hợp trong việc điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm thì Nhà nước triển khai kiểm đếm bắt buộc theo quy định của pháp luật.



8. Phòng Kinh tế xã có trách nhiệm:

- Gửi Thông báo thu hồi đất đến từng người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (nếu có), đồng thời niêm yết Thông báo thu hồi đất và danh sách người có đất thu hồi trên địa bàn quản lý tại trụ sở UBND xã và địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất thu hồi trong suốt thời gian bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (Nhà Văn hóa thôn Đoàn Kết, Nhà văn hóa thôn Vạn Tải Tây và Nhà văn hóa thôn Vạn Tải Đông);

Trường hợp không liên lạc được, không gửi được Thông báo thu hồi đất cho người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (nếu có) thì thông báo trên một trong các báo hàng ngày của Trung ương và thành phố Hải Phòng trong 03 số liên tiếp và phát sóng trên Đài phát thanh hoặc Truyền hình của Trung ương và thành phố Hải Phòng 03 lần trong 03 ngày liên tiếp; niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã Nam Sách, Nhà văn hóa thôn Đoàn Kết, Nhà văn hóa thôn Vạn Tải Đông, Nhà văn hóa thôn Vạn Tải Tây, đăng tải lên Cổng thông tin điện tử xã Nam Sách trong suốt thời gian bồi thường, hỗ trợ, tái định cư mà không phải gửi thông báo thu hồi đất lại;

- Phối hợp với Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, các cơ quan có liên quan và người có đất thu hồi thực hiện việc điều tra, khảo sát, ghi nhận hiện trạng, đo đạc, kiểm đếm, thống kê, phân loại diện tích đất thu hồi và tài sản gắn liền với đất thu hồi; xác định nguồn gốc đất thu hồi và tài sản gắn liền với đất thu hồi;

- Phối hợp với Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư điều tra, xác định, thống kê đầy đủ các thiệt hại thực tế về quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thu hồi; xác định người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan; thu nhập từ việc sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thu hồi, nguyện vọng tái định cư, chuyển đổi nghề.

9. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Nam Sách phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện các nội dung công việc liên quan theo quy định.

Hiệu lực của Thông báo thu hồi đất này là 12 tháng kể từ ngày ban hành Thông báo thu hồi đất./

Nơi nhận:

- Lãnh đạo UBND xã;
- Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư;
- Các cơ quan, đơn vị có liên quan
- Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân;
- Lưu: VT, PKT.



Phùng Văn Diện

BẢNG THÔNG KÊ CHỦ SỬ DỤNG ĐẤT, DIỆN TÍCH, LOẠI ĐẤT BỊ THU HỒI
Dự án: Đầu tư xây dựng Khu dân cư mới thôn Đoàn Kết, xã Hồng Phong, huyện Nam Sách
(Nay là xã Nam Sách, thành phố Hải Phòng)

(Kèm theo Thông báo số .88.../TB-UBND ngày 24../12/2025 của Chủ tịch UBND xã Nam Sách)

Stt	Họ và tên chủ sử dụng đất	Số thửa	Tờ bản đồ	Loại đất	Tổng diện tích dự kiến thu hồi (m ²)	Ghi chú
1	UBND xã	1441	8	LUC	27,0	
2	UBND xã	1483	8	MNC	115,0	
3	Nguyễn Bá Chén	1484	8	LUC	336,0	
4	UBND xã	1485	8	LUC	329,0	
5	UBND xã	1486	8	LUC	835,0	
6	UBND xã	1489	8	LUC	573,0	
7	Nguyễn Như Hồng (Lan)	1490	8	LUC	688,0	
8	Nguyễn Thị Thu	1497	8	LUC	407,0	
9	Nguyễn Như Dân	1499	8	LUC	625,0	
10	Nguyễn Như Thơ	1500	8	LUC	522,0	
11	Ngô Văn Huân	1501	8	LUC	560,0	
12	Nguyễn Thị Chín	1502	8	LUC	391,0	
13	Nguyễn Như Trịnh	1504	8	LUC	748,0	
14	UBND xã	1505	8	LUC	674,0	
15	UBND xã	1506	8	LUC	340,0	
16	UBND xã	1507	8	LUC	477,0	
17	UBND xã	1508	8	LUC	582,0	
18	UBND xã	1509	8	LUC	639,0	
19	UBND xã	1568	8	LUC	462,0	
20	UBND xã	1569	8	LUC	464,0	
21	UBND xã	1570	8	LUC	575,0	
22	UBND xã	1571	8	LUC	352,0	
23	Nguyễn Kim Khải (Khấn)	1572	8	LUC	1925,0	

Stt	Họ và tên chủ sử dụng đất	Số thửa	Tờ bản đồ	Loại đất	Tổng diện tích dự kiến thu hồi (m ²)	Ghi chú
24	Nguyễn Như Thơ	1573	8	LUC	1317,0	
25	Nguyễn Kim Bình	1576	8	LUC	431,0	
26	Nguyễn Kim Khoáng	1579	8	LUC	296,0	
27	Nguyễn Văn Kiểm	1580	8	LUC	466,0	
28	Nguyễn Hữu Hồng	1581	8	LUC	441,0	
29	UBND xã	1582	8	LUC	760,0	
30	UBND xã	1583	8	LUC	381,0	
31	Trần Thị Quặm (Phương)	1584	8	LUC	17,0	
32	Ngô Văn Tư (Lượ)	1631	8	LUC	764,0	
33	UBND xã	1633	8	MNC	2348,0	
34	UBND xã	1634	8	LUC	430,0	
35	Nguyễn Văn Hưng	1635	8	LUC	400,0	
36	Nguyễn Hữu Bình	1636	8	LUC	1079,0	
37	Nguyễn Kim Khoáng	1637	8	LUC	939,0	
38	Nguyễn Hữu Lịch	1638	8	LUC	621,0	
39	UBND xã	1639	8	DTL	143,0	
40	UBND xã	1640	8	DGT	48,0	
41	Nguyễn Văn Tài (Lục)	1641	8	LUC	458,0	
42	Nguyễn Văn Tài (Lục)	1642	8	CLN	217,0	
43	Nguyễn Văn Tài (Lục)	1643	8	NTS	305,0	
44	Nguyễn Như Hồng	1646	8	CLN+NTS	968,0	
45	Nguyễn Trung Thoa	1647	8	NTS	354,0	
46	Ngô Văn Phường	1650	8	NTS	228,0	
47	UBND xã	1651	8	NTS	228,0	
48	UBND xã	1653	8	NTS	172,0	
49	UBND xã	1655	8	DGT	3769,0	
50	Nguyễn Trung Hiếu	1656	8	NTS	180,0	
51	UBND xã	1658	8	HNK+NTS	868,0	
52	Nguyễn Huy Lại (Nụ)	1660	8	NTS	471,0	

Stt	Họ và tên chủ sử dụng đất	Số thửa	Tờ bản đồ	Loại đất	Tổng diện tích dự kiến thu hồi (m2)	Ghi chú
53	Nguyễn Huy Lại (Nụ)	1661	8	CLN+NTS	1455,0	
54	Ngô Thị Thắng	1662	8	CLN	517,0	
55	Ngô Thị Thắng	1663	8	LUC	512,0	
56	Nguyễn Hữu Thịnh	1664	8	LUC	435,0	
57	Nguyễn Văn Trường	1665	8	LUC	734,0	
58	Nguyễn Kim Phan	1666	8	LUC	487,0	
59	Nguyễn Thị Liễu	1667	8	LUC	682,0	
60	Nguyễn Văn Hưng	1668	8	LUC	1269,0	
61	UBND xã	1670	8	LUC	399,0	
62	UBND xã	1671	8	LUC	942,0	
63	UBND xã	1672	8	LUC	464,0	
64	Vương Thị Diễm	1675	8	LUC	153,0	
65	Nguyễn Thị Quýt	1676	8	LUC	125,0	
66	Nguyễn Đức Bắc	1677	8	LUC	102,0	
67	UBND xã	1699	8	DGT	37,0	
68	UBND xã	1700	8	LUC	855,0	
69	UBND xã	1701	8	DGT	154,0	
70	UBND xã	1702	8	DTL	285,0	
71	Nguyễn Danh Diễm	40	85	CLN	661,0	
72	Ngô Văn Khang	41	85	NTS	302,0	
73	Ngô Văn Khang	42	85	CLN	403,0	
74	Lương Xuân Phước	44	85	NTS	299,0	
75	Lương Xuân Phước	45	85	LUC	1077,0	
76	Lương Xuân Phước	46	85	HNK	220,0	
77	Nguyễn Năng Hồng (Bảy)	48	85	LUC	541,0	
78	Nguyễn Xuân Phúng (Trịnh)	49	85	LUC	577,0	
79	Nguyễn Xuân Phúng (Trịnh)	50	85	LUC	1394,0	
80	Ngô Văn Khang	51	85	LUC	981,0	
81	Lương Xuân Vượng	52	85	LUC	950,0	

Stt	Họ và tên chủ sử dụng đất	Số thửa	Tờ bản đồ	Loại đất	Tổng diện tích dự kiến thu hồi (m ²)	Ghi chú
82	Phạm Văn Khuyển	53	85	LUC	384,0	
83	Trần Phúc Minh	55	85	LUC	1156,0	
84	Nguyễn Thị Vân	97	85	LUC	565,0	
85	Nguyễn Trung Lưu	98	85	LUC	277,0	
86	Nguyễn Văn Tuyển	99	85	LUC	645,0	
87	Nguyễn Danh Độ	100	85	LUC	249,0	
88	Ngô Văn Quân	101	85	LUC	409,0	
89	Trần Phúc Minh	102	85	LUC	873,0	
90	Nguyễn Năng Hệ	103	85	LUC	882,0	
91	UBND xã	104	85	DGT	301,0	
92	Đặng Thị Thích	106	85	LUC	614,0	
93	Ngô Văn Việt	107	85	LUC	218,0	
94	Nguyễn Văn Quảng	108	85	LUC	774,0	
95	Đình Trọng Bộ	109	85	LUC	584,0	
96	Nguyễn Thị Ngự	110	85	LUC	550,0	
97	UBND xã	161	85	DGT	3922,1	
98	Vũ Tuấn Kiên	162	85	LUC	368,0	
99	Nguyễn Ngọc Chợ	163	85	LUC	216,0	
100	Nguyễn Thị Chính	164	85	LUC	324,0	
101	Nguyễn Văn Quán	165	85	LUC	694,0	
102	UBND xã	166	85	DTL	232,0	
103	Nguyễn Văn Quán	167	85	LUC	582,0	
104	Cao Thị Ngân	168	85	LUC	291,0	
105	Nguyễn Thị Phượng	169	85	LUC	428,0	
106	Vương Thị Dung	170	85	LUC	606,0	
107	Nguyễn Thị Thảo	171	85	LUC	1408,0	
108	Nguyễn Thị Hùng (Mí)	173	85	LUC	659,0	
109	Nguyễn Văn Thảo	174	85	LUC	898,0	
110	Hoàng Kim Ca	175	85	LUC	509,0	

Stt	Họ và tên chủ sử dụng đất	Số thửa	Tờ bản đồ	Loại đất	Tổng diện tích dự kiến thu hồi (m2)	Ghi chú
111	UBND xã	176	85	DTL	565,0	
112	Nguyễn Văn Thảo	177	85	LUC	326,0	
113	Nguyễn Danh Độ	178	85	LUC	574,0	
114	Nguyễn Thị Thanh	179	85	LUC	463,0	
115	UBND xã	180	85	DTL	926,0	
116	Nguyễn Thị Phượng	271	85	LUC	487,0	
117	Ngô Văn Việt	272	85	LUC	291,0	
118	Trần Đình Thủy	273	85	LUC	1657,0	
119	Hoàng Kim Lĩnh	274	85	LUC	409,0	
120	Nguyễn Thị Ngự	275	85	LUC	259,0	
121	Trần Đình Thủy	276	85	LUC	537,0	
122	Nguyễn Công Miên	277	85	LUC	530,0	
123	Trần Thị Loan	278	85	LUC	885,0	
124	Nguyễn Việt Khuê	279	85	LUC	735,0	
125	Nguyễn Việt Hành	280	85	LUC	442,0	
126	Nguyễn Thị Hiền	281	85	LUC	1026,0	
127	Nguyễn Đức Mạnh	282	85	LUC	871,0	
128	Hoàng Kim Bài	283	85	LUC	500,0	
129	Hoàng Kim Lĩnh	284	85	LUC	667,0	
130	Hoàng Kim Mão	360	85	LUC	356,0	
131	Nhữ Thị Thi	361	85	LUC	640,0	
132	Đặng Kim Cường	362	85	LUC	732,0	
133	Hoàng Kim Linh	363	85	LUC	761,0	
134	Nguyễn Văn Đoàn	365	85	LUC	1511,0	
135	Hoàng Kim Định	366	85	CLN	1590,0	
136	Trần Thị Tải	790	85	LUC	934,0	
137	UBND xã	792	85	DTL	81,0	
138	UBND xã	793	85	DGT	55,0	
139	UBND xã	794	85	DTL	134,0	

Stt	Họ và tên chủ sử dụng đất	Số thửa	Tờ bản đồ	Loại đất	Tổng diện tích dự kiến thu hồi (m ²)	Ghi chú
140	Đình Thị Mạnh	795	85	LUC	278,0	
141	Hoàng Thị Thái	796	85	LUC	278,0	
142	Ngô Văn Phường	2	86	CLN	641,0	
143	UBND xã	3	86	HNK	794,0	
144	UBND xã	4	86	HNK	589,0	
145	Nguyễn Trung Hiếu	5	86	CLN	574,0	
146	Ngô Văn Chuyên	6	86	LUC	548,0	
147	Ngô Văn Thống	7	86	LUC	360,0	
148	Nguyễn Văn Thống	8	86	LUC	1322,0	
149	Nguyễn Thị Hương	9	86	LUC	588,0	
150	Nguyễn Thị Trinh	10	86	LUC	697,0	
151	Nguyễn Thị Hạnh	11	86	LUC	371,0	
152	Nguyễn Văn Hưng	12	86	LUC	684,0	
153	Nguyễn Văn Hưng	13	86	LUC	557,0	
154	Nguyễn Văn Hưng	14	86	LUC	190,0	
155	UBND xã	15	86	LUC	397,0	
156	UBND xã	16	86	LUC	368,0	
157	UBND xã	17	86	LUC	720,0	
158	Nguyễn Trung Tuấn	19	86	LUC	147,0	
159	UBND xã	84	86	LUC	724,0	
160	Nguyễn Văn Hưng	85	86	LUC	381,0	
161	Nguyễn Văn Hưng	86	86	LUC	920,0	
162	Nguyễn Trung Tuấn	87	86	LUC	1500,0	
163	Nguyễn Kim Bình	88	86	LUC	748,0	
164	Nguyễn Kim Lành	89	86	LUC	419,0	
165	Nguyễn Thị Ngân	90	86	LUC	523,0	
166	Nguyễn Kim Lành	91	86	LUC	630,0	
167	Nguyễn Thị Xuênh	92	86	LUC	512,0	
168	Nguyễn Hữu Quân	93	86	LUC	487,0	

Stt	Họ và tên chủ sử dụng đất	Số thửa	Tờ bản đồ	Loại đất	Tổng diện tích dự kiến thu hồi (m2)	Ghi chú
169	UBND xã	94	86	LUC	699,0	
170	UBND xã	95	86	LUC	987,0	
171	Hoàng Á Long	97	86	LUC	452,0	
172	Nguyễn Thị Thạch	98	86	LUC	645,0	
173	Nguyễn Xuân Phúng	99	86	LUC	1283,0	
174	Nguyễn Văn Quý	101	86	LUC	680,0	
175	Nguyễn Hữu Mạnh	104	86	LUC	672,0	
176	Nguyễn Thị Ninh	105	86	LUC	756,0	
177	Nguyễn Thị Tú	106	86	LUC	565,0	
178	Nguyễn Sóng Lùng	107	86	LUC	574,0	
179	Nguyễn Kim Lương	108	86	LUC	1288,0	
180	Nguyễn Thị Quýt	109	86	LUC	770,0	
181	Nguyễn Hữu Thâu	110	86	LUC	430,0	
182	Nguyễn Văn Hưng	111	86	LUC	473,0	
183	Nguyễn Sỹ Hùng	112	86	LUC	624,0	
184	UBND xã	114	86	LUC	672,0	
185	UBND xã	115	86	LUC	585,0	
186	UBND xã	146	86	LUC	466,0	
187	UBND xã	147	86	LUC	502,0	
188	UBND xã	149	86	DTL	454,0	
189	Nguyễn Quốc Ninh	150	86	LUC	782,0	
190	Hoàng Huy Vĩ	151	86	LUC	545,0	
191	UBND xã	152	86	DTL	406,0	
192	Phạm Thị Liễu	153	86	LUC	1277,0	
193	Nguyễn Hữu Sang	154	86	LUC	360,0	
194	Hoàng Thị Bảy	155	86	LUC	480,0	
195	Nguyễn Văn Hưng	156	86	LUC	240,0	
196	Nguyễn Hữu Sáng	157	86	LUC	449,0	
197	Nguyễn Như Trào	158	86	LUC	308,0	

Stt	Họ và tên chủ sử dụng đất	Số thửa	Tờ bản đồ	Loại đất	Tổng diện tích dự kiến thu hồi (m2)	Ghi chú
198	Trần Thị Huệ	159	86	LUC	540,0	
199	Nguyễn Đắc Hùng	161	86	LUC	732,0	
200	Hoàng Huy Tuyên	162	86	LUC	533,0	
201	Hoàng Thị Bắc	163	86	LUC	321,0	
202	UBND xã	164	86	MNC	879,0	
203	Nguyễn Năng Viên (Bắc)	165	86	LUC	282,0	
204	Nguyễn Xuân Phúng	167	86	LUC	73,0	
205	Nguyễn Quý Bình	169	86	LUC	651,0	
206	Nguyễn Thị Thiệp	172	86	LUC	773,0	
207	Nguyễn Viết Lịch	173	86	LUC	1260,0	
208	Nguyễn Kim Khoáng	177	86	LUC	895,0	
209	Nguyễn Thị Vân	178	86	LUC	471,0	
210	UBND xã	180	86	DTL	557,0	
211	Nguyễn Thị Thắm	181	86	LUC	376,0	
212	Nguyễn Quý Mậu	182	86	LUC	1279,0	
213	Nguyễn Sỹ Hùng	184	86	LUC	912,0	
214	Nguyễn Sỹ Hùng	185	86	LUC	1786,0	
215	Nguyễn Sỹ Hùng	186	86	LUC	1375,0	
216	UBND xã	187	86	LUC	439,0	
217	UBND xã	198	86	LUC	201,0	
218	UBND xã	199	86	LUC	356,0	
219	Nguyễn Sỹ Hùng	200	86	LUC	974,0	
220	Nguyễn Sỹ Hùng	201	86	LUC	477,0	
221	Nguyễn Đức Thống	202	86	LUC	750,0	
222	Nguyễn Thị Nghĩ	203	86	LUC	465,0	
223	Nguyễn Hữu Tân	205	86	LUC	506,0	
224	Nguyễn Hữu Sang	206	86	LUC	787,0	
225	Nguyễn Hữu Lành	210	86	LUC	872,0	
226	Hoàng Thị Bắc	211	86	LUC	1297,0	

Stt	Họ và tên chủ sử dụng đất	Số thửa	Tờ bản đồ	Loại đất	Tổng diện tích dự kiến thu hồi (m2)	Ghi chú
227	Nguyễn Văn Doanh	212	86	LUC	927,0	
228	Nguyễn Năng Bùng	213	86	LUC	722,0	
229	Nguyễn Quý Chí	215	86	LUC	725,0	
230	Nguyễn Quý Bình	216	86	LUC	427,0	
231	Nguyễn Như Lạc	217	86	LUC	256,0	
232	Hoàng Huy Tuyển	218	86	LUC	1383,0	
233	Nguyễn Đức Vụ (Liều)	221	86	LUC	1728,0	
234	Nguyễn Thị Hạnh	222	86	LUC	753,0	
235	Nguyễn Quý Phan	223	86	LUC	866,0	
236	Nguyễn Kim Thê	224	86	LUC	643,0	
237	Nguyễn Đức Ngự	225	86	LUC	492,0	
238	Nguyễn Quốc Song	226	86	LUC	596,0	
239	Nguyễn Văn Nước	227	86	LUC	954,0	
240	Nguyễn Văn Nước	263	86	LUC	693,0	
241	Nguyễn Kim Lành	264	86	CLN	548,0	
242	Nguyễn Kim Lành	265	86	LUC	648,0	
243	Nguyễn Kim Lành	267	86	NTS	109,0	
244	Nguyễn Kim Hiền	268	86	LUC	785,0	
245	Nguyễn Thị Dao	269	86	LUC	357,0	
246	Nguyễn Hữu Hân	270	86	LUC	588,0	
247	Nguyễn Đức Vần	271	86	LUC	1095,0	
248	Nguyễn Văn Chung (Lựa)	275	86	LUC	233,0	
249	Nguyễn Văn Hanh	276	86	LUC	760,0	
250	Bùi Viết Hải	278	86	LUC	288,0	
251	UBND xã	279	86	DTL	95,0	
252	Trần Thị Vạn	281	86	LUC	1435,0	
253	Nguyễn Năng Hanh	283	86	LUC	961,0	
254	Nguyễn Năng Nho	284	86	LUC	623,0	
255	Nguyễn Văn Hồng (Tinh)	286	86	LUC	1164,0	

Stt	Họ và tên chủ sử dụng đất	Số thửa	Tờ bản đồ	Loại đất	Tổng diện tích dự kiến thu hồi (m2)	Ghi chú
256	Nguyễn Hữu Nghĩa	287	86	LUC	749,0	
257	Nguyễn Kim Tiến	288	86	CLN+NTS	314,0	
258	Nguyễn Kim Lành	289	86	CLN	319,0	
259	UBND xã	291	86	DGT	7467,0	
260	UBND xã	343	86	DTL	163,0	
261	Nguyễn Kim Nghĩa	346	86	LUC	549,0	
262	Nguyễn Thị Bé	349	86	LUC	372,0	
263	Nguyễn Như Trào	350	86	LUC	425,0	
264	Nguyễn Hữu Mịch	351	86	LUC	707,0	
265	Nguyễn Huy Thọ	353	86	LUC	494,0	
266	Nguyễn Trung Thoa	1238	86	CLN	441,0	
267	Nguyễn Trung Thoa	1239	86	LUC	642,0	
268	Nguyễn Trung Thoa	1240	86	HNK	678,0	
269	Nguyễn Thị Sâm	1241	86	LUC	690,0	
270	Nguyễn Thị Tuyết	1242	86	LUC	206,0	
271	Nguyễn Thị Thoi	1243	86	LUC	457,0	
272	Nguyễn Thị Chuốt	1244	86	LUC	315,0	
273	Nguyễn Năng Bưởi	1245	86	LUC	642,0	
274	Hoàng Thị Bắc	1246	86	LUC	952,0	
275	UBND xã	1247	86	DTL	289,0	
276	Nguyễn Hữu Mịch	1248	86	LUC	69,0	
277	UBND xã	1249	86	DTL	80,0	
278	UBND xã	1250	86	DTL	170,0	
279	Nguyễn Hữu Tân	1251	86	LUC	1184,0	
280	Nguyễn Thị Ngám	1252	86	LUC	333,0	
281	Hoàng Thị Bắc	1253	86	LUC	867,0	
282	UBND xã	1254	86	LUC	205,0	
283	Ngô Văn Phường	1255	86	LUC	1705,0	
284	UBND xã	1256	86	DTL	271,0	

Stt	Họ và tên chủ sử dụng đất	Số thửa	Tờ bản đồ	Loại đất	Tổng diện tích dự kiến thu hồi (m2)	Ghi chú
285	Nguyễn Kim Khải	1257	86	LUC	1674,0	
286	Nguyễn Kim Tăng	1258	86	LUC	571,0	
287	Nguyễn Kim Thạch	1259	86	LUC	909,0	
288	Nguyễn Thị Hương	1260	86	LUC	285,0	
289	Hoàng Thị Dự	1261	86	LUC	331,0	
290	Nguyễn Năng Hoa	1262	86	LUC	728,0	
291	Nguyễn Việt Hiếu	1263	86	LUC	2383,0	
292	Nguyễn Việt Nghĩa	1264	86	LUC	492,0	
293	Nguyễn Việt Chính	1265	86	LUC	821,0	
294	Nguyễn Văn Bộ	1266	86	LUC	430,0	
295	Nguyễn Thị Hằng	1267	86	LUC	1051,0	
296	Nguyễn Kim Sỹ	1268	86	LUC	931,0	
297	Nguyễn Thị Ban	1269	86	LUC	698,0	
298	UBND xã	1270	86	DTL	96,0	
299	Nguyễn Đắc Mừng	1271	86	LUC	717,0	
300	Nguyễn Thị Kim Thoa	57	102	ONT	6,0	
301	Ngô Văn Khang	81	102	ONT	4,0	
302	Nguyễn Trung Thoa	84	102	ONT	10,0	
303	Nguyễn Văn Nước	8	105	ONT+CLN	874,0	
304	Nguyễn Kim Lành	17	105	ONT	2,0	
305	Trần Duy Thiện	18	105	ONT	1,0	
306	UBND xã	20	105	CLN	559,0	
307	Trần Duy Thuần	357	105	ONT	161,0	
TỔNG					199.852,1	